CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG -T.D.K

Trụ sở chính: Số 23/61 đường Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 04. 6251 0008 - **Fax:** 04. 6251 1327
Email: thanglongtdk@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.vn
Website: www.kiemtoantaichinh.com

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	**Báo cáo của Ban Giám đốc**	01 – 03
2	**Báo cáo kiểm toán**	04
3	**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**	
	Bảng cân đối kế toán	*05 - 06*
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	*07*
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	*08*
	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	*09 – 23*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200793081 ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200793081 ngày 18 tháng 07 năm 2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Các Công ty con của Công ty đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

STT	Danh sách các Công ty con	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Km 104+ 200 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hải An, Hải Phòng.
2	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lô số 2, Khu công nghiệp Thụy Vân, Việt trì, phú Thọ
3	Công ty TNHH Vận tải Đường Bộ Duyên Hải	Km 104+ 200 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hải An, Hải Phòng.
4	Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	Km 104+ 200 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hải An, Hải Phòng.
5	Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội.	P212, Nhà N3A, đường lê Văn Lương, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
6	Công ty TNHH Container Minh Thành	Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
7	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Các sự kiện trong năm tài chính như sau:

- Tăng vốn điều lệ từ 100.800.000.000 đồng lên 128.700.000.000 đồng.
- Đầu tư vào Công ty con, Công ty TNHH Container Minh Thành, tỷ lệ sở hữu 75.83 %.
- Đầu tư vào Công ty con, Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải, tỷ lệ sở hữu 100%.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ:

- Chính thức niêm yết 12.870.000 cổ phiếu, giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;

Các thành viên của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày Bầu
1	Nguyễn Đình Chung	Chủ tịch	20/04/2008
2	Lê Thái Cường	Ủy viên	20/04/2008
3	Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên	10/04/2010
4	Lê Văn Dò	Ủy viên	10/04/2010
5	Vũ Thị Phú	Ủy viên	20/04/2008
6	Nguyễn Mạnh Hải	Ủy viên	18/08/2011

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Đình Chung	Tổng Giám đốc
2	Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 02 năm 2012
TM. Ban Tổng Giám đốc
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

SĐKKD:0200795081-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Q.HẢI AN T.P HẢI PHÒNG

NGUYỄN ĐÌNH CHUNG

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T. D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	-Tel: (04)6 251 0008	-Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền Nam	: C14, Quang Trung, phường 11	-Tel: (08)3 589 7462	-Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP.HCM	-Tel: (08)3 848 0763	-Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tống, TP.Đà Nẵng	-Tel: (0511)3 651 818	-Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu	-Tel: (025)3 718 545	-Fax: (025)3 716 264

Số: 76A.1/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 19 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trong yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải tại ngày 31/12/2011, kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, các báo cáo được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
THĂNG LONG – T.D.K
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG T.D.K

TỪ QUỲNH HẠNH
Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kiểm toán viên

LƯU ANH TUẤN
Chứng chỉ KTV số:1026 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**35.058.813.918**	**23.202.771.186**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**696.462.048**	**716.749.337**
1. Tiền	111	V.01a	696.462.048	716.749.337
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**15.720.000.000**	**0**
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	V.01b	15.720.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.370.894.774**	**18.973.063.579**
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	2.611.907.292	4.668.244.160
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	3.835.499.048	2.281.225.916
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.923.488.434	12.023.593.503
IV. Hàng tồn kho	**140**		**62.120.045**	**1.160.420.074**
1. Hàng tồn kho	141	V.05	62.120.045	1.160.420.074
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.209.337.051**	**2.352.538.196**
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.06	0	137.544.954
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	5.209.337.051	2.214.993.242
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**133.246.475.526**	**108.109.478.888**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**0**	**0**
II. Tài sản cố định	**220**		**11.060.606.708**	**12.420.601.489**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11.060.606.708	12.420.601.489
- Nguyên giá	222		14.020.613.124	13.932.749.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.960.006.416)	(1.512.147.997)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**0**	**0**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**122.095.120.074**	**95.546.120.074**
1. Đầu tư vào Công ty con	251	V.09	122.095.120.074	95.546.120.074
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**90.748.744**	**142.757.325**
3. Tài sản dài hạn khác		V.10	90.748.744	142.757.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**168.305.289.444**	**131.312.250.074**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**13.179.472.757**	**13.641.494.081**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**10.855.109.121**	**10.516.494.081**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	5.450.410.645	3.627.487.974
2. Phải trả người bán	312	V.12	2.613.924.828	3.387.287.827
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	797.386.353	695.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	60.398.327	157.930.420
5. Phải trả người lao động	315		124.948.887	283.058.160
6. Chi phí phải trả	316		0	76.146.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	1.766.660.688	2.239.443.936
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		41.379.393	50.139.764
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.324.363.636**	**3.125.000.000**
3. Phải trả dài hạn khác	333		415.363.636	479.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	1.909.000.000	2.646.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**155.125.816.687**	**117.670.755.993**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.17**	**155.125.816.687**	**117.670.755.993**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.700.000.000	100.795.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.615.359.500	2.727.192.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		177.909.956	115.274.635
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.632.547.231	14.032.959.358
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**0**	**0**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**168.305.289.444**	**131.312.250.074**

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỊ MAI HOA	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**	**VI.18**	**29.553.597.900**	**30.852.969.817**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**2**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**29.553.597.900**	**30.852.969.817**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.19**	**25.938.728.971**	**23.256.258.467**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**3.614.868.929**	**7.596.711.350**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.20**	**14.883.191.292**	**11.985.959.015**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.21**	**1.281.418.930**	**1.078.491.594**
- Trong đó : Chi phí lãi vay	*23*		*1.272.498.780*	*1.071.380.556*
8. Chi phí bán hàng	**24**			**0**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**2.672.132.473**	**4.442.198.578**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**14.544.508.818**	**14.061.980.193**
11. Thu nhập khác	**31**		**0**	**0**
12. Chi phí khác	**32**		**0**	**0**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**0**	**0**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**14.544.508.818**	**14.061.980.193**
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**51**	**V.22**	**265.725.602**	**663.944.148**
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	**52**		**0**	**0**
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**14.278.783.216**	**13.398.036.045**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**-**	**-**

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỊ MAI HOA	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	34.451.004.042	32.740.713.594
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(29.413.141.377)	(33.613.914.255)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.875.368.051)	(1.482.587.908)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(855.394.625)	(875.369.374)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(354.999.895)	(590.103.657)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	119.456.437.821	68.167.010.705
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(122.093.043.050)	(69.289.255.892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(684.505.135)***	***(4.943.506.787)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(69.166.364)	(39.624.885)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.664.482.632)	0
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.549.000.000)	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.148.837.318	11.574.041.812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(23.133.811.678)**	**11.534.416.927**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	34.880.837.500	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.061.923.271	2.505.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.683.411.245)	(10.926.429.608)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.461.320.002)	(10.185.302.951)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***23.798.029.524***	***(18.606.732.559)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(20.287.289)**	**(12.015.822.419)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**716.749.337**	**12.732.571.756**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**696.462.048**	**716.749.337**

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỊ MAI HOA	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200793081 ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200793081 ngày 18 tháng 07 năm 2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 128.700.000.000 (Một trăm hai mươi tám tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn)

Cổ đông sáng lập và cổ đông khác tại ngày khóa sổ :

STT	Tên	Vốn đăng ký (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp đến 31/12/2011 (VND)	Tỷ lệ thực góp (%)
1	Nguyễn Đình Chung	54.036.490.000	53,60	55.194.230.000	42,89
2	Lưu Thị Khiêm	614.580.000	0,61	614.580.000	0.48
3	Lê Thái Cường	4.839.980.000	4,80	4.839.980.000	3.76
4	Bùi Chí Hùng	3.838.410.000	3,81	3.838.410.000	2.98
5	Phạm Lệ Thu	1.658.240.000	1,65	1.658.240.000	1.29
6	Bùi Thị Thư	1.372.190.000	1,36	1.372.190.000	1.07
7	Trần Thị Kim Hồng	2.072.800.000	2,06	2.072.800.000	1.61
8	Vũ Thị Phú	1.036.400.000	1,03	1.036.400.000	0.81
9	Nguyễn Văn Đào	952.450.000	0,94	952.450.000	0.74
10	Các cổ đông khác			57.120.720.000	44,38
	Cộng	**70.421.540.000**		**128.700.000.000**	**100**

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 07 năm 2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Sửa chữa máy móc thiết bị Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải

đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung) Dịch vụ Logistics

- ❖ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phăm vệ sinh
- ❖ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- ❖ Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc.
- ❖ Vận tải hàng hóa ven biển
- ❖ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- ❖ Vận tải hàng hóa đường sắt
- ❖ Vận tải hàng hóa viễn dương
- ❖ Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
- ❖ Dịch vụ đại lý tàu biển

4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99,68%
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	99,68%
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	99,35%
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	99,00%
- Công ty TNHH Container Minh Thành	75,83%
- Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	100,00%
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	100,00%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo , nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc được phân loại là tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 là 25%.

Thuế giá trị gia tăng
Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác
Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: VND

01a. Tiền	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Tiền mặt	379.828.082	511.825.528
- Tiền gửi ngân hàng (VND)	316.633.966	204.923.809
Cộng	**696.462.048**	**716.749.337**

01b. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)	15.720.000.000	0
Cộng	**15.720.000.000**	**0**

(*). Khoản đầu tư ngắn hạn khác, số tiền 15.720.000.000 đồng là khoản cho Công ty TNHH Container Minh Thành (Công ty con) vay theo Giấy nhận nợ từng lần, thời hạn cho vay trong vòng 12 tháng, lãi suất bình quân là 20,5%/ năm.

02. **Phải thu khách hàng**	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Công ty liên doanh đại lý vận tải Evergreen Việt nam	270.784.595	464.222.407
- Chi nhánh công ty CP đại lý vận tải Safi tại Hải phòng	7.837.258	30.200.741
- Công ty CP vận tải á Châu	3.225.585	2.068.000
- Chi nhánh công ty TNHH giao nhận kỳ vận	0	7.216.000
- Công ty TNHH MTV Tiếp vận & phân phối Phương Đông	93.586.665	54.183.024
- Công ty TNHH giao nhận Biển Đông - CN Hải phòng	5.223.900	13.078.180
- Chi nhánh công ty TNHH SANKYU Việt nam	17.308.831	12.523.951
- CN công ty TNHH một thành viên GN Gấu Trúc Toàn cầu	24.501.224	29.579.924
- Công ty CP phát triển Hàng Hải	0	129.184.000
- Công ty TNHHvận tải con Cá Heo	0	25.887.763
- Công ty TNHH thương mại Hàng Hải Quốc tế	63.158.458	0
- Công ty TNHH Mitsui oskline Việt nam	43.835.556	50.080.057
- Công ty TNHH giao nhận vận tải hàng hoá ITL	0	27.868.500
- Công ty TNHH Bình Viên	935.000	29.480.000
- Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Trường Giang	29.436.352	16.040.310
- Công ty TNHH MTV Vận tải toàn cầu TVL - Việt nam	0	10.725.550
- Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	450.990.494	1.293.594.520
- CN công ty CP đại lý Hàng Hải VN -đại lý hàng hải HP	34.973.791	33.360.995
- Công ty CP KDCBLS xuất khẩu Yên Bái	110.050.800	214.453.080
- Chi nhánh công ty TNHH thương mại dịch vụ Uy Tín	74.784.270	50.223.360
- CÔNG TY TNHH HAPAG - LLOYD VIỆT NAM	22.351.288	35.758.299
- Công ty TNHH THI Group Việt nam	6.724.168	27.260.607
- Công ty liên doanh PIL Việt nam	43.470.515	38.900.005
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải HUB Việt nam	41.494.155	12.837.826
- Công ty TNHH Hội án	38.937.469	8.735.727
- Chi nhánh công ty TNHH BS	0	55.420.585
- CÔNG TY TNHH SITC VIỆT NAM	0	673.716.628
- CN công ty CP ĐL Hàng Hải - DV HH Phương Đông	12.412.706	5.009.117
- Công ty TNHH DV và VT Thế Giới Chính Phương	41.757.390	44.032.510
- CN công ty TNHH VT và ĐL Vận tải đa phương thức tại HP	0	1.013.942
- CÔNG TY TNHH MAERSK VIỆT NAM	0	182.025.517
- Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt nam	0	703.073.800
- Công ty TNHH TM và tiếp vận toàn cầu Đông Tài	35.442.648	24.595.000
- Công ty CP chế biến lâm sản Hoàng Lâm Yên Bái	24.300.000	21.000.000
- Công ty CP kim khí Thăng Long	0	500.000
- Công ty CP ứng dụng Công nghệ Thiên Phú	28.590.500	134.519.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Jardine	0	41.250.000
- Công ty CP đầu tư xây dựng XNK Thăng Long	0	1.150.000
- Công ty CP May Xuất Khẩu Hà Bắc	0	700.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí 17	0	110.000
- Công ty TNHH Vận Tải Xuân Thuỷ	0	1.050.000

- Công ty Sojitz Aerospace	0	22.220.000
- Công ty TNHH Công nghệ sấy gỗ Việt Nam	18.684.223	0
- Shipco Transport Việt Nam LTD	82.430.012	0
- Công ty TNHH MTV Seshin Việt Nam 2	3.751.000	0
- Công ty TNHH Seshin Việt Nam	7.478.999	0
- Công ty CP TM Hoàng Tiến Phát	6.380.000	0
- Công ty TNHH Xúc tiến ĐT và TM Quốc tế ITIP	7.987.790	0
- Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng	67.641.709	0
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	8.086.876	0
- Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên hải	764.979.989	0
- CN Công ty TNHH MTV Dòng nước vàng tại HP	13.667.047	0
- Tập đoàn Wanhai lines	17.600.667	0
- CN Công ty TNHH Hubline VN tại Hải Phòng	29.525.708	0
- Công ty TNHH Giao nhận VT Cargonet VN	57.579.654	0
- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	0	130.676.882
- Công ty TNHH vận tải Biển Phượng Hoàng	0	8.718.353
Cộng	**2.611.907.292**	**4.668.244.160**

03. Trả trước cho người bán

	Cuối năm	*Đầu năm*
- Nhà cung cấp dự án Lạch Huyện	110.000.000	110.000.000
- CN công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Thiên Long	3.365.520.995	1.418.020.916
- CN công ty CP chứng khoán Sài Gòn tại Hà nội	60.000.000	40.000.000
- Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng	0	100.000.000
- Khách hàng cá nhân (Mỹ phẩm)	239.978.053	0
- Công ty CP ứng dụng Công Nghệ Thiên Phú	0	564.835.000
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà nội	60.000.000	15.400.000
- Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	0	30.000.000
- Công ty in Đường sắt	0	2.970.000
Cộng	**3.835.499.048**	**2.281.225.916**

04. Các khoản phải thu khác

	Cuối năm	*Đầu năm*
- Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt Nam	0	73.106.379
- Công ty Cp Bảo hiểm Bưu Điện HP	41.415.477	41.415.477
- Công ty Cp Bảo hiểm Quân đội HP	0	2.420.000
- Công ty CP phát triển Hàng Hải	0	12.226.500
- Công ty liên doanh đại lý vận tải Evergreen Việt nam	0	460.000
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	0	1.500.000.000
- Công ty TNHH SX&TM Duyên Hải	0	1.300.000.000
- Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	584.000.000	356.630.000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	5.273.000.000	8.500.000.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	0	200.000.000
- Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	798.835.000	0
- Phải thu khác của cán bộ nhân viên	226.237.957	37.335.147
Cộng	**6.923.488.434**	**12.023.593.503**

05. Hàng tồn kho

	Cuối năm	*Đầu năm*
- Hàng hoá	62.120.045	1.160.420.074
Cộng	**62.120.045**	**1.160.420.074**

06. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Cuối năm	*Đầu năm*
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	0	137.544.954
Cộng	**0**	**137.544.954**

07. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	*Đầu năm*
- Tạm ứng	4.618.635.049	1.480.681.043
- Chi phí trả trước ngắn hạn	590.702.002	734.312.199
Cộng	**5.209.337.051**	**2.214.993.242**

08. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu năm	**13.847.373.207**	**85.376.279**	**13.932.749.486**
- Mua trong năm		87.863.638	87.863.638
Số dư cuối năm	**13.847.373.207**	**173.239.917**	**14.020.613.124**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	**1.473.461.684**	**38.686.313**	**1.512.147.997**
- Khấu hao trong năm	1.423.775.841	24.082.578	1.447.858.419
Số dư cuối năm	**2.897.237.525**	**62.768.891**	**2.960.006.416**
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH			
- Tại ngày đầu năm	**12.373.911.523**	**46.689.966**	**12.420.601.489**
- Tại ngày cuối năm	**10.950.135.682**	**110.471.026**	**11.060.606.708**

09. Đầu tư vào Công ty con

	Cuối năm	*Đầu năm*
- CT TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	14.503.099.339	14.503.099.339
- CT TNHH Sản xuất & Thương mại Duyên Hải	32.867.444.563	32.867.444.563
- CT TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	45.655.576.172
- CT TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	2.520.000.000	2.520.000.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	25.550.000.000	0
- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999.000.000	0
Cộng	**122.095.120.074**	**95.546.120.074**

10. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	*Đầu năm*
-Chi phí trả trước dài hạn (CCDC)	90.748.744	142.757.325
Cộng	**90.748.744**	**142.757.325**

11. Vay và nợ ngắn hạn	*Cuối năm*	*Đầu năm*
Vay ngắn hạn	**707.410.645**	**648.421.974**
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	707.410.645	0
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Hồng Bàng	0	648.421.974
- Các đối tượng khác	**4.743.000.000**	**2.979.066.000**
+ Phạm Thành Hiếu	*0*	*1.000.000.000*
+ Lưu Thị Khiên	*257.000.000*	*257.000.000*
+ Nguyễn Đức Hải	*3.776.000.000*	*260.000.000*
+ Đinh Ngọc Phương	*500.000.000*	*500.000.000*
+ Nguyễn Thị Kim Loan	*100.000.000*	*100.000.000*
+ Nguyễn Bích Thuỷ	*0*	*340.000.000*
+ Nguyễn Thị Bình	*0*	*100.000.000*
+ Nguyễn Thị Vân	*0*	*100.000.000*
+ Nguyễn Thị Kim Phượng	*110.000.000*	*0*
+ Khúc Thị Thịnh	*0*	*302.066.000*
+ Lưu Thị Huế	*0*	*20.000.000*
Cộng	**5.450.410.645**	**3.627.487.974**

12. Phải trả người bán	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Công ty TNHH giao nhận vận tải hàng hoá ITL	0	7.979.653
- Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	50.200.000	264.247.182
- Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	734.096.491	112.703.361
- CN công ty CP đại lý Hàng Hải VN - ĐL Hàng hải HP	0	34.433.100
- CÔNG TY TNHH SITC VIỆT NAM	11.715.972	35.245.401
- CN Công ty TNHH Giao nhận Vận tải quốc tế - Trường Giang	19.940.550	0
- CN Công ty CP hàng hải Macs	7.572.960	0
- Công ty TNHH Heung A VN tại HP	2.926.375	0
- Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	34.490.000	0
- Công ty CP Văn hóa truyền thong Thăng Long	1.540.000	0
- Cty TNHH Giao nhận & Vận tải thương mại S.N.M	110.000	0
- Công ty TNHH TM & DV Vận tải Phú An	0	0
- Công ty CP Kiến trúc Nam Việt	0	84.846.000
- Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ	0	3.300.000
- Xí nghiệp tập thể 19-3	0	16.940.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	325.378.741	1.815.886.160
- Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	1.425.953.739	1.011.706.970
Cộng	**2.613.924.828**	**3.387.287.827**

13. Người mua trả tiền trước	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	775.000.000	695.000.000
- Shipco Transport Việt Nam LTD	22.386.353	**0**
Cộng	**797.386.353**	**695.000.000**

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.322.150	142.596.443
- Thuế Thu nhập cá nhân	4.034.622	0
- Thuế GTGT đầu ra	482.471	0
- Thuế khác	2.559.084	15.333.977
Cộng	**60.398.327**	**157.930.420**

15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Thu hộ trả hộ	**34.869.318**	**27.917.372**
+ Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	*744.420*	*8.351.168*
+ Công ty TNHH Sản xuất & TM Duyên Hải	*22.612.031*	*7.856.393*
+ Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	*11.512.867*	*11.709.811*
- Phải trả phải nộp khác	**1.276.360.199**	**1.768.889.270**
+ Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	*14.471.262*	*28.045.600*
+ Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	*0*	*5.471.391*
+ Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	*611.055.423*	*735.258.140*
+ Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	*2.668.200*	*0*
+ Đặt cọc của Lái xe	*129.611.958*	*79.904.398*
+ Thuế TNCN 5% của Hoạt động đầu tư vốn	*2.863.973*	*4.448.358*
+ Công ty TNHH SX & TM Hòa Hưng	*5.689.383*	*5.689.383*
+ Bà Nguyễn Trà Giang	*510.000.000*	
+ Ông Nguyễn Đức Hải	*0*	*910.072.000*
- Doanh thu chưa thực hiện	**455.431.171**	**442.637.294**
+ Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng	*295.849.206*	*374.439.972*
+ Quỹ hoa hồng	*92.705.092*	*0*
+ Quỹ phát triển nguồn nhân lực	*46.352.546*	*0*
+ Hàng Mỹ phẩm	*0*	*68.197.322*
+ Phải trả phải nộp khác	*20.524.327*	*0*
Cộng	**1.766.660.688**	**2.239.443.936**

16. Vay và nợ dài hạn	*Cuối năm*	*Đầu năm*
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển	1.909.000.000	2.646.000.000
Cộng	**1.909.000.000**	**2.646.000.000**

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**100.795.330.000**	**2.727.192.000**	**15.683.013**	**11.019.409.508**	**114.557.614.521**
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lãi trong năm trước	0	0	0	13.398.036.045	13.398.036.045
- Tăng khác	0	0	99.591.622	0	99.591.622
- Giảm khác	0	0	0	(10.384.486.195)	(10.384.486.195)
Số dư đầu năm nay	**100.795.330.000**	**2.727.192.000**	**115.274.635**	**14.032.959.358**	**117.670.755.993**
- Tăng vốn trong năm nay	27.904.670.000	0	0	0	27.904.670.000
- Lãi trong năm nay	0	0	0	14.278.783.216	14.278.783.216
- Tăng khác	0	6.888.167.500	62.635.321	0	6.950.802.821
- Giảm khác	0	0		11.679.195.343	11.679.195.343
Số dư cuối năm nay	**128.700.000.000**	**9.615.359.500**	**177.909.956**	**16.632.547.231**	**155.125.816.687**

b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	*Đầu năm*
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	71.579.280.000	70.473.360.000
Vốn góp của CBCNV	32.551.360.000	3.645.490.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	24.569.360.000	26.676.480.000
Cộng	**128.700.000.000**	**100.795.330.000**

c. Cổ phiếu

	Năm nay	*Năm trước*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	***12.870.000***	***10.079.533***
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	***0***	***0***
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	***0***	***0***
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	***12.870.000***	***10.079.533***
+ Cổ phiếu phổ thông	12.870.000	10.079.533
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	*Năm trước*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.553.597.900	30.852.969.817
Cộng	**29.553.597.900**	**30.852.969.817**

19. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.938.728.971	23.256.258.467
Cộng	**25.938.728.971**	**23.256.258.467**

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi ngân hàng	89.119.540	117.996.145
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.026.076.806	11.406.203.601
- Chênh lệch tỷ giá	78.180.941	82.620.542
- Lãi cho vay	1.689.814.005	379.138.727
Cộng	**14.883.191.292**	**11.985.959.015**

21. Chi phí tài chính

	Năm nay	*Năm trước*
- Chênh lệch tỷ giá	8.920.150	7.111.038
- Chi phí lãi vay	1.272.498.780	1.071.380.556
Cộng	**1.281.418.930**	**1.078.491.594**

22.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	*Năm nay*	*Năm trước*
1	Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế	14.544.508.818	14.061.980.193
2	Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN (*)	13.026.076.806	11.406.203.601
3	Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	0	0
4	Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm(4=1-2+3)	1.518.432.012	2.655.776.592
5	Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành(6=4*5)	379.608.003	663.944.148
7	Số thuế được miễn giảm theo Nghị định số 101/2011/NĐ-CP và Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 06/04/2011.	113.882.400	0
8	Số thuế phải nộp thêm năm 2011 do xác định lại	0	0
9	Thuế TNDN phải nộp năm 2011(8=5-6+7)	265.725.602	663.944.148

(*) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các Công ty con.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau :

Các bên liên quan	**Mối quan hệ**	***Giá trị giao dịch***
- Giá vốn dịch vụ		
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	7.007.400.487
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	1.817.509.126
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	1.439.082.762
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	6.924.815.205
Tổng cộng		**17.188.807.580**
- Doanh thu dịch vụ		
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	925.569.526
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	60.930.230
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	1.936.793.995
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	5.105.409.822
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	577.272.869
Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con	8.491.979
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	22.727.273
Tổng cộng		**8.637.195.694**
Cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	15.720.000.000

Số dư giao dịch với các bên liên quan

- Công nợ phải thu		**Tại ngày 31/12/2011**
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	764.979.989
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	8.086.876
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	450.990.494

- Các khoản phải thu khác		**Tại ngày 31/12/2011**
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con	584.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	5.273.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	798.835.000

- Công nợ phải trả		**Tại ngày 31/12/2011**
Công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	50.200.000
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con	734.096.491
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	1.425.953.739
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	34.490.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	325.378.741

-Các khoản phải trả khác		**Tại ngày 31/12/2011**
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	Công ty con	598.788.779

- Trả tiền trước		**Tại ngày 31/12/2011**
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	775.000.000

- Cho vay		**Tại ngày 31/12/2011**
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	15.720.000.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long – T.D.K.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng	**Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**
NGUYỄN THỊ MAI HOA	**NGUYỄN ĐÌNH CHUNG**